HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH VỀ BẢO LƯU QUYỀN SỞ HỮU TRONG BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015

*Nguyễn Văn Hợi**
*Giáp Minh Tâm***

Tóm tắt: *Bài viết phân tích, đánh giá các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về bảo lưu quyền sở hữu. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định về bảo lưu quyền sở hữu trong Bộ luật Dân sự năm 2015.*

Abstract: *The article analyzes and assesses regulations on reserve of ownership right under the 2015 Civil Code. On this basis, it makes certain proposals for the improvement of related regulations under the Code*

1. Những ưu điểm của quy định về bảo lưu quyền sở hữu trong Bộ luật Dân sự năm 2015

Bảo lưu quyền sở hữu không phải là quy định mới trong Bộ luật Dân sự năm 2015, nhưng với tư cách là biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, quy định này lần đầu tiên được đề cập trong Bộ luật Dân sự. Thông qua việc nghiên cứu toàn bộ các quy định về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nói chung, bảo lưu quyền sở hữu nói riêng trong Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan, chúng tôi nhận thấy hiệu quả của quy định về bảo lưu quyền sở hữu trong Bộ luật Dân sự năm 2015 như sau:

Thứ nhất, Bộ luật Dân sự năm 2015 đã quy định một cách hệ thống các nội dung có liên quan đến bảo lưu quyền sở hữu. Từ các quy định chung liên quan đến đối tượng và phạm vi bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho đến những quy định riêng biệt về bảo lưu quyền sở hữu đều rõ ràng và cụ thể, không có sự mâu thuẫn, chồng chéo. Đặc biệt, ngoài quy định chung liên quan đến hiệu lực đối kháng của biện pháp bảo đảm tại Điều 297, Bộ luật Dân sự năm 2015 còn quy định cụ thể về thời điểm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba tại khoản 3 Điều 331. So với quy định về bảo lưu quyền sở hữu trong Bộ luật Dân sự năm 2005, các quy định trong Bộ luật Dân sự vừa kế thừa, vừa sửa đổi, bổ sung. Trong Bộ luật Dân sự năm 2005, bảo lưu quyền sở hữu chỉ được quy định trong chế định hợp đồng; không quy định cụ thể về việc kiện đòi lại tài sản đã bán khi bên mua không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Trong khi đó, Bộ luật Dân sự năm 2015 không những quy định cụ thể về hình thức bảo lưu quyền sở hữu, mà còn quy định cụ thể quyền của bên bán khi bên mua vi phạm nghĩa vụ, hiệu lực bảo lưu quyền sở hữu giữa các bên và hiệu lực đối kháng với người thứ ba...

Thứ hai, việc thừa nhận bảo lưu quyền sở hữu là một biện pháp bảo đảm tạo cho bên bán trong hợp đồng mua bán tài sản có thêm một phương thức để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Mặc dù nếu không có bảo lưu quyền sở hữu, bên bán vẫn có thể yêu cầu áp dụng các biện pháp bảo đảm khác đối với việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền của bên mua như biện pháp ký quỹ, biện pháp bảo lãnh... Nhưng

* TS., Trường Đại học Luật Hà Nội.
** ThS., Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Thể dục Thể thao.

rõ ràng, việc áp dụng biện pháp bảo lưu quyền sở hữu có nhiều lợi thế hơn bởi các bên không cần phải sử dụng bất cứ đối tượng bảo đảm nào khác. Nếu áp dụng biện pháp ký quỹ, bên mua buộc phải có một lượng tiền dư thừa để mở tài khoản ký quỹ; nếu đã có tiền mở tài khoản ký quỹ, bên mua có thể sử dụng để thanh toán luôn cho bên bán chứ không cần thiết phải tốn kém chi phí cho việc áp dụng biện pháp ký quỹ. Do đó, biện pháp ký quỹ chỉ phù hợp với trường hợp các bên có quan hệ mua bán lâu dài. Trong khi đó, bảo lưu quyền sở hữu có thể áp dụng với mọi trường hợp mua bán dù là một lần hay quan hệ mua bán lâu dài. Ngoài ra, việc lựa chọn áp dụng biện pháp ký quỹ hay biện pháp bảo lãnh có thể khiến cho bên mua phải chi trả phí liên quan. Đây là điều mà không chủ thể nào mong muốn lựa chọn khi giao kết hợp đồng mua bán.

Thứ ba, việc quy định xác lập bảo lưu quyền sở hữu bắt buộc phải bằng hình thức văn bản bảo đảm được tính xác thực của thỏa thuận. Chúng tôi cho rằng, việc thỏa thuận hay không thỏa thuận về bảo lưu quyền sở hữu có thể ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của một trong các bên (nếu thỏa thuận về bảo lưu thì việc xác lập quyền sở hữu của bên mua bị gián đoạn, nếu không thỏa thuận về bảo lưu quyền sở hữu thì quyền lợi của bên bán có thể bị ảnh hưởng). Do đó, khi các bên đã chấp nhận thỏa thuận về bảo lưu quyền sở hữu thì phải thể hiện thông qua văn bản. Đây là căn cứ có tính xác thực cao để các bên dựa vào đó bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Đồng thời, điều này cũng giúp cho việc đánh giá tính xác thực của thỏa thuận để có thể đưa ra phán quyết đúng đắn, nhằm giải quyết nhanh chóng các tranh chấp phát sinh.

Thứ tư, việc quy định cụ thể các quyền và nghĩa vụ của bên bán và bên mua khi bảo lưu quyền sở hữu tạo cơ sở pháp lý rõ ràng khi các bên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Rõ ràng, các quy định về bảo lưu quyền sở hữu trong hợp đồng mua trả chậm, trả dần mà Bộ luật Dân sự các năm 1995, 2005 và thậm chí là 2015 đã đề cập, quyền và nghĩa vụ của các bên không được quy định một cách cụ thể. Điều này khiến cho các bên không có cơ sở để xác định các vấn đề như: Quyền của bên bán khi bên mua không thanh toán hết tiền, khi nào bảo lưu quyền sở hữu có thể chấm dứt... Chính vì vậy, việc xây dựng các quy định cụ thể về biện pháp bảo lưu quyền sở hữu từ Điều 331 đến Điều 334 Bộ luật Dân sự năm 2015 tạo cơ sở rõ ràng khi áp dụng trong thực tế.

Thứ năm, với tính chất một biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự, bảo lưu quyền sở hữu có thể được áp dụng với các hợp đồng mua bán mà không nhất thiết phải là hợp đồng mua trả chậm, trả dần. Điều này cho phép các bên trong quan hệ mua bán có thể áp dụng triệt để biện pháp bảo lưu quyền sở hữu trong mọi trường hợp mua bán tài sản. Nếu như trước đây, bảo lưu quyền sở hữu chỉ gắn với mua trả chậm, trả dần (tức là các bên buộc phải thỏa thuận về phương thức thanh toán là mua trả chậm, trả dần) thì hiện nay, với bất cứ hợp đồng mua bán nào (trừ trường hợp mua bán vật tiêu hao), các bên đều có thể thỏa thuận về bảo lưu quyền sở hữu. Ví dụ, A bán cho B một chiếc máy tính, hai bên không có thỏa thuận về phương thức thanh toán là trả chậm hay trả dần thì bên mua phải thanh toán ngay sau khi nhận tài sản. Tuy nhiên, để tránh trường hợp B nhận tài sản nhưng lại không thanh toán, A có thể yêu cầu xác lập thỏa

thuận về bảo lưu quyền sở hữu để buộc B hoàn thành nghĩa vụ theo thỏa thuận.

2. Những điểm hạn chế và kiến nghị hoàn thiện quy định về bảo lưu quyền sở hữu trong Bộ luật Dân sự năm 2015

2.1. Những hạn chế và kiến nghị chung về bảo lưu quyền sở hữu

Thứ nhất, việc quy định bảo lưu quyền sở hữu theo hai chế định với các phương thức xác lập khác nhau là vấn đề hạn chế đầu tiên của Bộ luật Dân sự năm 2015 về bảo lưu quyền sở hữu. Mặc dù, xét về bản chất, chúng tôi thấy rằng, bảo lưu quyền sở hữu dù được quy định trong chế định hợp đồng hay chế định bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thì đều là việc bên bán được tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ chuyển quyền sở hữu cho bên mua. Đồng thời, dù có tồn tại ở hai chế định khác nhau thì các quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ bảo lưu quyền sở hữu vẫn không có sự thay đổi. Về nguyên tắc, nếu bên mua không thanh toán hết tiền thì bên bán vẫn có quyền đòi lại tài sản và trả lại tiền cho bên mua, đồng thời bên mua phải trả lại tài sản và được nhận lại tiền. Nhưng rõ ràng, việc quy định như Bộ luật Dân sự năm 2015 hiện nay cho thấy: (i) Trong hợp đồng mua trả chậm, trả dần, bảo lưu quyền sở hữu được xác lập tự động khi các bên lựa chọn phương thức thanh toán là trả chậm, trả dần (không cần có điều khoản hay văn bản riêng về bảo lưu quyền sở hữu); (ii) Với tính chất là một biện pháp bảo đảm, bảo lưu quyền sở hữu không được xác lập một cách tự động mà các bên buộc phải lập văn bản thỏa thuận cụ thể về bảo lưu quyền sở hữu hoặc phải thiết lập một điều khoản riêng về bảo lưu quyền sở hữu trong hợp đồng mua bán.

Với những quy định như hiện nay, có thể hiểu và áp dụng khác nhau trong bảo lưu quyền sở hữu. Điều này dẫn đến khó khăn trong việc xác định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên khi bên mua không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua trả chậm, trả dần. Nếu như có sự quy định thống nhất thì sẽ bảo đảm được cách hiểu và áp dụng có hiệu quả về bảo lưu quyền sở hữu.

Theo quan điểm của chúng tôi, vì không có sự khác nhau về bản chất bảo lưu quyền sở hữu trong hợp đồng mua bán trả chậm, trả dần với bảo lưu quyền sở hữu là một biện pháp bảo đảm trong các hợp đồng mua bán tài sản thông thường, nên không cần thiết phải quy định trong cả hai chế định. Để có cách hiểu và áp dụng thống nhất các quy định về bảo lưu quyền sở hữu, chúng tôi kiến nghị nên hợp nhất quy định về bảo lưu quyền sở hữu trong một chế định. Việc thống nhất được các quy định này trong một chế định không thể tiến hành trong một sớm một chiều. Bởi vì hoạt động lập pháp, đặc biệt việc ban hành hay sửa đổi, bổ sung Bộ luật Dân sự phải trải qua một quá trình thảo luận, lấy ý kiến lâu dài. Do đó, chúng tôi cho rằng, trước mắt khi ban hành văn bản hướng dẫn về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, cần có quy định hướng dẫn cụ thể theo hướng xác định bảo lưu quyền sở hữu trong hai chế định có cùng bản chất để có thể thống nhất trong cách hiểu và áp dụng.

Thứ hai, nghiên cứu bản chất của bảo lưu quyền sở hữu có thể thấy, việc thừa nhận bảo lưu quyền sở hữu là một biện pháp bảo đảm chỉ là sự miễn cưỡng của nhà làm luật. Bởi vì, một trong những đặc tính quan trọng nhất của biện pháp bảo đảm đó là chức năng bảo đảm và tính dự phòng. Tức là khi nghĩa vụ chính bị vi phạm, bên nhận bảo đảm có thể xử lý tài sản bảo đảm để khấu trừ nghĩa vụ bị vi phạm hoặc có thể yêu cầu người thứ ba thực hiện nghĩa vụ

thay cho bên có nghĩa vụ. Do đó, nếu một biện pháp được thừa nhận mà không có chức năng bảo đảm và tính dự phòng thì không thể bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ với bên nhận bảo đảm (bên có quyền).

Trong khi đó, bảo lưu quyền sở hữu không mang tính bảo đảm và tính dự phòng như một biện pháp bảo đảm. Bởi vì, về lý thuyết thì bên bán chính là bên nhận bảo đảm còn bên mua là bên bảo đảm, nhưng tài sản bảo đảm lại thuộc sở hữu của bên bán, hơn nữa tài sản bảo đảm lại do chính bên mua nắm giữ và khai thác, sử dụng. Nghĩa vụ được bảo đảm bằng bảo lưu quyền sở hữu là nghĩa vụ thanh toán tiền mua tài sản. Tuy nhiên, xét trên thực tế, nếu bên mua không thanh toán đủ tiền mua tài sản, đồng thời có hành vi tẩu tán tài sản thì khi đó việc đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại (nếu có) khó có thể thực hiện được và cũng không có cơ sở nào để bảo đảm cho những quyền này được đáp ứng trên thực tiễn. Rõ ràng, dưới góc độ thực tiễn, bên bán hoàn toàn không có bất cứ cơ sở nào để bảo đảm cho quyền yêu cầu bên mua thanh toán đúng hạn, quyền đòi lại tài sản từ bên mua cũng như quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu bên mua làm mất mát, hư hỏng tài sản. Điều này có nghĩa rằng, bảo lưu quyền sở hữu không có tính bảo đảm và tính dự phòng. Thậm chí, có quan điểm cho rằng, bảo lưu quyền sở hữu chỉ được coi là một trong các biến thể của biện pháp bảo đảm[1]. Quan điểm khác còn cho rằng, bảo lưu quyền sở hữu chỉ là điều khoản trì hoãn việc chuyển quyền sở hữu cho đến khi bên mua thanh toán đầy đủ[2]. Như vậy, dù nhìn nhận ở góc độ nào thì bảo lưu quyền sở hữu trong Bộ luật Dân sự năm 2015 cũng đều không phản ánh được bản chất của một biện pháp bảo đảm[3].

Với những phân tích này, chúng tôi cho rằng, cũng giống như xóa bỏ "phạt vi phạm" với vị trí là một biện pháp bảo đảm trong Bộ luật Dân sự năm 1995, trong tương lai nhà làm luật cũng cần xem xét loại bỏ bảo lưu quyền sở hữu ra khỏi các biện pháp bảo đảm. Đồng thời, cần phải cụ thể hóa vấn đề bảo lưu quyền sở hữu trong hợp đồng mua bán tài sản. Tức là quyền và nghĩa vụ của các bên trong biện pháp bảo lưu quyền sở hữu cần được quy định trong phần hợp đồng mua bán tài sản thành một nhóm điều khoản cụ thể. Mặt khác, không cần thiết quy định riêng về mua trả chậm, trả dần bởi vì đó chỉ là một trong các phương thức thanh toán tiền mua tài sản.

2.2. Những hạn chế và kiến nghị cụ thể đối với các quy định về bảo lưu quyền sở hữu

Thứ nhất, quy định tại Điều 332 Bộ luật Dân sự năm 2015 tồn tại một số điểm bất cập như sau:

(a) Tên gọi của điều luật này là quyền đòi lại tài sản nhưng nội dung của Điều 332 cho thấy, ngoài quy định quyền đòi lại tài sản và quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại của bên bán, điều luật này còn quy định về nghĩa vụ của bên bán trong việc hoàn trả bên mua số tiền đã thanh toán. Rõ ràng, quy

[1] Phạm Văn Tuyết và Lê Kim Giang (đồng chủ biên), *Hoàn thiện chế định bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự*, Nxb. Dân trí, Hà Nội, 2015, tr.6.

[2] Nguyễn Mạnh Bách, *Luật dân sự Việt Nam lược giải - Các hợp đồng dân sự thông dụng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 32.

[3] Bùi Đức Giang, *Lập pháp, nhìn từ quy định của bảo lưu quyền sở hữu tài sản*, Thời báo Kinh tế Sài gòn online, 2016, http://www.thesaigontimes.vn/153622/Lap-phap-nhin-tu-quy-dinh-bao-luu-quyen-so-huu-tai-san.html, truy cập ngày 05/9/2018.

định này đã thể hiện sự không thống nhất giữa tên gọi và nội dung của điều luật.

Có hai phương án khắc phục điểm bất cập này đó là: (i) Loại bỏ nghĩa vụ của bên bán ra khỏi Điều 332; (ii) Sửa tên Điều 332 thành "quyền và nghĩa vụ của bên bán". Theo quan điểm của chúng tôi, phương án thứ nhất không phù hợp bởi vì việc loại bỏ nghĩa vụ của bên bán khỏi Điều 332 là không cần thiết bởi nội dung nghĩa vụ của bên bán không đến mức phức tạp để cần quy định riêng. Hơn nữa, giữa quy định về quyền và nghĩa vụ phải có sự gắn kết với nhau. Ngoài ra, kể cả có loại bỏ nghĩa vụ của bên bán khỏi Điều 332 thì tên gọi của điều này cũng chưa phù hợp khi bên cạnh quyền đòi lại tài sản nhưng điều này lại quy định cả quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản. Như vậy, chúng tôi cho rằng, phương án thứ hai về sửa tên Điều 332 thành quyền và nghĩa vụ của bên bán sẽ là lựa chọn tối ưu hơn.

(b) Việc đan xen giữa quyền và nghĩa vụ thể hiện sự không mạch lạc trong việc ban hành quy định. Về nguyên tắc, mỗi quy định được ban hành phải thể hiện sự thông suốt, rõ ràng để bảo đảm cho các cơ quan nhà nước và các chủ thể để hiểu và áp dụng thống nhất. Do đó, ngoài việc sửa tên Điều 332, nội dung điều khoản này cũng cần phải được tách biệt thành các khoản riêng biệt như sau:

Điều 332. Quyền và nghĩa vu của bên bán tài sản

1. Trường hợp bên mua không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho bên bán theo thỏa thuận thì bên bán có quyền đòi lại tài sản.

2. Trường hợp bên mua làm mất, hư hỏng tài sản thì bên bán có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại.

3. Bên bán hoàn trả cho bên mua số tiền bên mua đã thanh toán sau khi trừ giá trị hao mòn tài sản do sử dụng.

(c) Với những quy định như hiện nay, quyền và nghĩa vụ của bên bán là do luật định. Tức là khi bên mua không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán tiền mua tài sản, bên bán có quyền đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại (nếu có), và có nghĩa vụ hoàn trả số tiền mà bên mua đã thanh toán cho bên bán. Quy định này dường như đi ngược lại với nguyên tắc thỏa thuận khi tham gia quan hệ pháp luật dân sự đã được quy định tại khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hơn nữa, có thể hiểu quy định tại Điều 331 rằng, bảo lưu quyền sở hữu là biện pháp bảo đảm được xác lập theo thỏa thuận các bên. Đặc biệt, khoản 2 Điều 331 quy định bắt buộc các bên lập văn bản riêng hoặc ghi vào hợp đồng mua bán về vấn đề bảo lưu quyền sở hữu. Vấn đề là trong trường hợp giữa bên bán và bên mua có thỏa thuận khác khi bên mua không hoàn thành nghĩa vụ (ví dụ, bên bán có quyền đòi lại tài sản nhưng không phải trả lại số tiền bên mua đã thanh toán) thì sẽ áp dụng theo thỏa thuận giữa các bên hay theo quy định tại Điều 332? Rõ ràng, về nguyên tắc thì sự thỏa thuận của các bên nếu không bị luật cấm thì đều có giá trị. Vậy, quy định về nghĩa vụ của bên bán cần phải được sửa đổi theo hướng bổ sung cụm từ "trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác", cụ thể như sau: "*Bên bán hoàn trả cho bên mua số tiền bên mua đã thanh toán sau khi trừ giá trị hao mòn tài sản do sử dụng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác*".

Thứ hai, đối với quy định tại Điều 333 Bộ luật Dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của bên mua tài sản.

Khoản 1 điều này quy định về quyền của bên mua tài sản, theo đó bên mua có quyền "sử dụng tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản". Điều 189 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định "Quyền sử dụng là quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản", tức là quyền sử dụng có hai nội dung chính là khai thác công dụng và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 333 lại quy định bên mua có "quyền sử dụng tài sản" và "hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản" là không hợp lý, bởi vì quyền sử dụng tài sản đã bao hàm cả nội dung của quyền hưởng hoa lợi, lợi tức. Theo đó, chúng tôi kiến nghị sửa đổi khoản 1 Điều 333 như sau: "*Khai thác công dụng và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản trong thời hạn bảo lưu quyền sở hữu có hiệu lực*".

Trong quan hệ pháp luật dân sự, quyền và nghĩa vụ của các bên luôn đối ứng với nhau. Do đó, trong quan hệ bảo lưu quyền sở hữu, quyền và nghĩa vụ của bên mua và bên bán phải có sự đối ứng qua lại. Theo quy định tại Điều 332, bên bán có quyền đòi lại tài sản, quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại và có nghĩa vụ hoàn trả số tiền bên mua đã thanh toán. Tất cả những quyền và nghĩa vụ này đều mang bản chất của quan hệ trái quyền. Do đó, đối ứng với các quyền và nghĩa vụ này sẽ là các nghĩa vụ và quyền cụ thể của bên mua tài sản tại Điều 333. Tuy nhiên, không có quyền và nghĩa vụ nào của bên mua tài sản trong Điều 333 đối ứng với quyền và nghĩa vụ của bên bán trong Điều 332. Điều này dẫn đến vấn đề là nếu chỉ căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bên mua tài sản có nghĩa vụ hoàn trả tài sản và nghĩa vụ bồi thường thiệt hại khi không hoàn thành nghĩa vụ trả tiền hay không? Đồng thời, nếu bên mua đã hoàn trả tài sản thì có quyền nhận lại số tiền đã thanh toán cho bên bán không? Tất cả những câu hỏi này đều có thể giải quyết thông qua việc bổ sung các quy định về quyền và nghĩa vụ của bên mua tài sản. Theo đó, cần bổ sung các quyền và nghĩa vụ của bên mua tài sản vào Điều 333 như sau:

(i) Về nghĩa vụ: "Hoàn trả tài sản cho bên bán nếu không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Bồi thường thiệt hại cho bên bán nếu làm mất mát, hư hỏng tài sản".

(ii) Về quyền: "Yêu cầu bên bán hoàn trả số tiền đã thanh toán sau khi đã trừ giá trị hao mòn tài sản do sử dụng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Thứ ba, đối với các trường hợp chấm dứt bảo lưu quyền sở hữu

Bộ luật Dân sự năm 2015 chỉ quy định ba trường hợp chấm dứt bảo lưu quyền sở hữu. Tuy nhiên, ngoài ba trường hợp đã được quy định tại Điều 334 Bộ luật Dân sự năm 2015, bảo lưu quyền sở hữu vẫn có thể chấm dứt trong các trường hợp khác như: Bảo lưu quyền sở hữu được thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác như bảo lãnh; tài sản là đối tượng của hợp đồng mua bán nói chung, bảo lưu quyền sở hữu nói riêng không còn; hợp đồng mua bán bị hủy bỏ hoặc bị đơn phương chấm dứt... Do đó, theo quan điểm của chúng tôi, cần bổ sung các trường hợp chấm dứt bảo lưu quyền sở hữu khác vào Điều 334 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tóm lại, việc sửa đổi, bổ sung một quy định luật không thể thực hiện trong thời gian ngắn. Do đó, chúng tôi cho rằng, khi ban hành văn bản hướng dẫn trong thời gian tới về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thì có thể xem xét cụ thể hóa, bổ sung chi tiết các quy định về bảo lưu quyền sở hữu trong Bộ luật Dân sự năm 2015.